

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 88/2024/TT-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2024

THÔNG TƯ**Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 159/2024/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội khóa XV về dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 160/2024/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội khóa XV về phân bổ ngân sách Trung ương năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Thực hiện Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

Chương I**PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI VÀ PHÂN BỐ,
GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC****Điều 1. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước (NSNN)**

1. Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương (NSTW) và ngân sách địa phương (NSDP) được thực hiện theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật NSNN.

2. Tiếp tục thực hiện điều tiết NSTW hưởng 100% đối với:

a) Số thu từ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số, dịch vụ xuyên biên giới và các dịch vụ khác do nhà cung cấp nước ngoài thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế trực tiếp tại Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

b) Số thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.

c) Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

3. Thực hiện phân chia nguồn thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định tại Nghị quyết số 64/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội; phân chia thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu giữa NSTW và NSDP theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 70/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội.

4. Nguồn thu phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô (sau khi trừ chi phí tổ chức thu) nộp NSTW 100%; đồng thời, bố trí dự toán chi NSNN cho Bộ Giao thông vận tải tương ứng 65% số thu và bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP tương ứng 35% số thu để thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ.

5. Nguồn thu xử phạt hành chính trật tự an toàn giao thông đường bộ nộp NSTW 100%; bố trí dự toán chi NSNN cho Bộ Công an tương ứng 85% số thu đã thực nộp NSNN năm 2023 và bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP tương ứng với 15% số phát sinh thực tế trên địa bàn từng địa phương năm 2023 để chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn.

6. Nguồn thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý được sử dụng cho chi đầu tư phát triển thuộc đối tượng đầu tư của NSDP.

7. Nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết trong dự toán NSDP được sử dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 4, Nghị quyết số 160/2024/QH15 ngày 13 tháng 11

năm 2024 của Quốc hội về phân bổ NSTW năm 2025 và điểm b khoản 3 Điều 3 Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về dự toán NSNN năm 2025.

8. Tăng số bổ sung cân đối ngân sách cho các địa phương để có thêm nguồn lực đáp ứng các nhiệm vụ chi quan trọng, phát sinh ở địa phương; bổ sung có mục tiêu để đảm bảo mặt bằng dự toán chi cân đối NSDP năm 2025 không thấp hơn dự toán chi cân đối NSDP năm 2023 (năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách). Các địa phương căn cứ điều kiện thực tế và khả năng cân đối, thực hiện phân bổ khoản kinh phí NSTW hỗ trợ bù mặt bằng chi cân đối NSDP năm 2025 đảm bảo không thấp hơn năm 2023 để thực hiện các nhiệm vụ chi cân đối NSDP (không gán với nhiệm vụ chi cụ thể).

9. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 được mở rộng phạm vi sử dụng nguồn tích lũy cho cải cách tiền lương của NSTW để điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công và tinh giản biên chế; sử dụng nguồn cải cách tiền lương của NSDP để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành và tinh giản biên chế.

Các địa phương sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư các dự án kết nối vùng, kết nối quốc gia, các công trình trọng điểm quốc gia thực hiện tại địa phương theo quy định của cấp có thẩm quyền trong trường hợp địa phương có nguồn dư lớn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau khi trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành nghị quyết, có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ cam kết bảo đảm nguồn kinh phí cải cách tiền lương và thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành cho cả lộ trình đến năm 2030 và không đề nghị NSTW hỗ trợ.

10. Tổng hợp một phần thu chuyển nguồn cải cách tiền lương của NSDP đến hết năm 2024 còn dư sang bố trí dự toán chi NSDP năm 2025 để giảm áp lực cân đối NSTW phải bố trí bổ sung cho NSDP thực hiện cải cách tiền lương.

11. Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp NSDP thực hiện theo đúng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã quyết định đối với năm trong thời kỳ ổn định ngân sách. Đối với năm 2025, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp căn cứ khả năng ngân sách quyết định số bổ sung cân đối ngân sách cho ngân sách cấp dưới để đảm bảo các nhu cầu chi NSDP. Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động làm

NSDP tăng thu lớn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo quy định tại khoản 7 Điều 9 Luật NSNN.

Đồng thời, ngân sách cấp tỉnh bổ sung cho ngân sách cấp dưới để thực hiện cải cách tiền lương theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và quyết định của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Điều 2. Giao dự toán thu NSNN

1. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai giao nhiệm vụ thu NSNN năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới đảm bảo tối thiểu bằng mức dự toán thu NSNN Thủ tướng Chính phủ giao.

2. Việc giao dự toán thu NSNN năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị và chính quyền cấp dưới phải trên cơ sở rà soát, phân tích, đánh giá đầy đủ các nguồn thu phát sinh và kết quả thực hiện thu ngân sách năm 2024; căn cứ các chính sách, pháp luật về thu ngân sách; dự báo mức tăng trưởng kinh tế của từng ngành, từng lĩnh vực, tình hình sản xuất - kinh doanh của người nộp thuế trên địa bàn.

3. Việc giao dự toán thu phí, số phí được để lại cho các Bộ, cơ quan trung ương được thực hiện như sau:

a) Trong phạm vi số thu phí, số phí nộp NSNN, số phí để lại chi Thủ tướng Chính phủ giao, các bộ, cơ quan trung ương thực hiện giao dự toán cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc. Căn cứ tiến độ thu và phạm vi dự toán chi từ nguồn thu phí được để lại, các bộ, cơ quan trung ương chủ động quản lý, sử dụng cho các nội dung theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ), Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, gửi Bộ Tài chính kiểm tra cùng với phương án phân bổ ngân sách theo quy định. Trường hợp trong năm phát sinh số phí để lại chi cao hơn số đã giao dự toán đầu năm, các Bộ, cơ quan trung ương xây dựng phương án sử dụng, có văn bản báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

b) Ngoài việc thực hiện theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này, các cơ quan, đơn vị đang thực hiện cơ chế tài chính đặc thù theo quy định của cấp có thẩm quyền (nếu có) phải thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 160/2024/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội và điểm đ khoản 2 Điều 3 Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Phân bổ và giao dự toán chi NSNN**1. Phân bổ và giao dự toán chi đầu tư phát triển:**

a) Căn cứ tổng mức vốn và cơ cấu vốn được Thủ tướng Chính phủ giao, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phân bổ vốn đầu tư NSNN theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 3 Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện phân bổ vốn theo đúng quy định tại Điều 8 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, gửi kết quả phân bổ vốn về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Chính phủ và theo dõi thực hiện, đồng gửi Bộ Tài chính để kiểm tra, kiểm soát việc giải ngân theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Trong tổ chức thực hiện, trường hợp cần điều chỉnh dự toán giữa các chương trình, dự án để đẩy nhanh tiến độ giải ngân, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, căn cứ dự toán đã được Thủ tướng Chính phủ giao, các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương điều chỉnh dự toán giữa các chương trình, dự án, nhiệm vụ đủ thủ tục, điều kiện, phù hợp với tiến độ thực hiện theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 67 Luật Đầu tư công, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng gửi Bộ Tài chính để kiểm tra, tổng hợp, theo dõi và kiểm soát việc giải ngân. Mẫu biểu điều chỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ.

b) Đối với dự toán chi đầu tư phát triển khác (ngoài phạm vi Luật Đầu tư công) đã được Quốc hội quyết định, các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương căn cứ Quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền thực hiện giải ngân trong phạm vi dự toán giao, bảo đảm đúng quy định của pháp luật hiện hành, các cam kết của Chính phủ với các nhà đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Ngoài việc thực hiện phân bổ, bố trí vốn và giao dự toán chi đầu tư phát triển tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chú ý một số nội dung sau:

- Căn cứ dự toán chi đầu tư phát triển Thủ tướng Chính phủ giao, các địa phương dành nguồn tương ứng số bội thu ngân sách cấp tỉnh (nếu có) để trả nợ gốc các khoản vay của NSDP đến hạn phải trả trong năm 2025 (trong đó ưu tiên trả hết nợ gốc các khoản vay của NSDP đã quá hạn); phần còn lại mới phân bổ vốn cho

các công trình, dự án, trong đó bố trí, cân đối đủ vốn cho các dự án, chương trình được NSTW hỗ trợ một phần để thực hiện các mục tiêu theo quy định.

- Các khoản địa phương vay lại từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài đã tính trong tổng mức dự toán chi đầu tư phát triển NSDP năm 2025 Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao tổng mức vay. Căn cứ tổng mức vay lại vốn nước ngoài được giao, dự kiến khả năng giải ngân theo tiến độ thực tế của từng chương trình, dự án và phù hợp với quy định của thỏa thuận vay vốn đã ký kết, địa phương phân bổ và giao dự toán cho từng chương trình, dự án, đồng thời chỉ thực hiện giải ngân trong phạm vi dự toán được giao. Trường hợp các chương trình, dự án đã được giao kế hoạch vốn giải ngân thấp hơn dự toán được giao, địa phương được phép điều chuyển vốn vay cho chương trình, dự án vay mới phát sinh thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa có trong danh mục chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền giao đầu năm nhưng phải đảm bảo tổng số vốn vay nước ngoài của tất cả các chương trình, dự án không vượt quá tổng mức dự toán vay được giao; đồng thời số vốn vay của từng chương trình, dự án không vượt quá tổng mức dự toán vay đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đầu tư. Các địa phương gửi danh mục chương trình, dự án được phân bổ từ nguồn địa phương vay lại về Bộ Tài chính để tổng hợp, theo dõi.

- Việc phân bổ, giao vốn thực hiện các dự án đầu tư từ nguồn bội chi NSDP (nếu có) đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, khả năng vay và giới hạn mức vay được giao.

- Bố trí dự toán chi bồi thường giải phóng mặt bằng tương ứng với số tiền nhà đầu tư đã tự nguyện ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên:

a) Các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị sử dụng ngân sách trong phạm vi dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao, Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân giao đúng thời gian quy định, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; thực hiện đầy đủ các chính sách tiền lương, tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, lương hưu, trợ cấp ưu đãi người có công, trợ giúp xã hội và các chính sách an sinh xã hội gắn với lương cơ sở theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội khóa XV, các chế độ, chính sách đã ban hành, những nhiệm vụ quan trọng theo quy định của pháp luật, những nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Đối với sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, sự nghiệp khoa học và công nghệ:

Các bộ, cơ quan trung ương có trách nhiệm rà soát đối tượng được hưởng các chính sách giáo dục hỗ trợ cho học sinh, sinh viên trong phạm vi chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao hiện hành, mức thu học phí, mức hỗ trợ theo quy định để thanh, quyết toán kinh phí theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn. Trường hợp không sử dụng hết hoặc phát hiện các khoản chi không đúng quy định, các bộ, cơ quan trung ương có trách nhiệm thu hồi, nộp trả NSNN theo quy định; trường hợp kinh phí thực hiện lớn hơn dự toán được giao, đề nghị có văn bản gửi Bộ Tài chính để xử lý theo chế độ quy định.

Các địa phương phân bổ, giao dự toán chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới không thấp hơn mức dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, phù hợp với quy định của Luật NSNN và pháp luật có liên quan; ưu tiên kinh phí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, hoàn thành Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Ưu tiên phân bổ kinh phí cho công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật theo quy định; kinh phí tổ chức Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025-2030; kinh phí thực hiện các hoạt động của Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em; kinh phí tổ chức các sự kiện quan trọng, các Ngày lễ lớn, ngày truyền thống năm tròn, năm chẵn của một số bộ, ngành, cơ quan trung ương.

- Bố trí ngân sách đảm bảo thực hiện công tác kiểm tra, kiểm nghiệm, xử lý tiêu hủy thực phẩm không an toàn cho các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xử lý vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm theo quy định của Luật NSNN và các văn bản pháp luật có liên quan;

b) Căn cứ dự toán NSNN đã được cấp có thẩm quyền giao năm 2025, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện các nội dung sau:

- Bố trí đủ kinh phí để đảm bảo thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương ban hành đến thời điểm giao dự toán ngân sách năm 2025 để các đối tượng được hưởng chính sách ngay từ đầu năm 2025.

- Sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP để thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn địa phương để chỉ cho các lực lượng chức năng có liên quan thanh tra giao thông vận tải, Ban an toàn giao thông các cấp thuộc địa phương,... (không bao gồm lực lượng công an địa

phương do đã được đảm bảo trong dự toán chi NSNN của Bộ Công an) phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP, nguồn NSDP và các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện quản lý, bảo trì đường bộ thuộc trách nhiệm của địa phương theo phân cấp.

- Thực hiện hoạt động của các tổ chức được giao nhiệm vụ thu phí, lệ phí ở địa phương (cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập). Trường hợp cơ quan, tổ chức thu phí, lệ phí áp dụng cơ chế tài chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước thì được để lại tiền phí thu theo quy định để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí. Trường hợp tổ chức thu là đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Ưu tiên bố trí kinh phí để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; kinh phí triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Ngoài các nội dung nêu trên, khi phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2025, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần chú ý một số nội dung sau:

a) Bố trí đủ vốn đối ứng từ NSDP cho các dự án ODA do địa phương quản lý theo quy định.

b) Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia thuộc trách nhiệm bố trí vốn của NSDP; ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Bảm bảo NSNN cho công tác phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ theo phân cấp NSNN hiện hành.

d) Bố trí ngân sách cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, bệnh viện vùng khó khăn, biên giới, hải đảo, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần và các lĩnh vực khác theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 và Nghị quyết số 99/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề về việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống COVID-19; việc thực hiện chính sách, pháp luật về y tế cơ sở, y tế dự phòng.

4. Phân bổ, giao dự toán chi dự trữ quốc gia:

Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch và dự toán NSNN về dự trữ quốc gia, Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia phân bổ, giao dự toán chi dự trữ quốc gia cho các đơn vị dự trữ quốc gia trực thuộc, đảm bảo khớp đúng về tổng mức dự toán chi dự trữ quốc gia được giao và phân bổ dự toán chi tiết cho từng danh mục mặt hàng dự trữ quốc gia (gồm: danh mục, số lượng, dự toán chi tiết từng mặt hàng) được Thủ tướng Chính phủ giao, đồng thời gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Dự trữ nhà nước) để kiểm tra, theo dõi (kèm theo các tài liệu thuyết minh cơ sở phân bổ, giao dự toán). Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản phân bổ, giao dự toán chi dự trữ quốc gia của Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia (cùng tài liệu kèm theo); Bộ Tài chính (Tổng cục Dự trữ nhà nước) có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia điều chỉnh lại đối với trường hợp không khớp đúng về tổng mức dự toán chi dự trữ quốc gia được giao, không phân bổ, giao dự toán chi tiết cho từng danh mục mặt hàng dự trữ quốc gia và không đúng danh mục mặt hàng, chính sách, chế độ quy định.

5. Phân bổ, giao dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu:

Căn cứ dự toán chi thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án Thủ tướng Chính phủ giao, các Bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương thực hiện phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới đúng mục tiêu, đúng đối tượng, nội dung của từng nhiệm vụ, chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền giao và các văn bản pháp luật có liên quan.

Cùng với nguồn hỗ trợ từ NSTW, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí NSDP và huy động hợp lý các nguồn lực khác theo quy định của pháp luật để thực hiện.

6. Phân bổ và giao dự toán chi từ nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và viện trợ không hoàn lại của nước ngoài:

a) Trong phạm vi dự toán từng lĩnh vực chi NSNN đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao, các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương căn cứ sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân chủ động điều chỉnh dự toán giữa các chương trình, dự án, nhiệm vụ đủ thủ tục, điều kiện gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với chi đầu tư phát triển) tổng hợp báo cáo Chính phủ và theo dõi thực hiện, đồng gửi Bộ Tài chính kiểm soát việc giải ngân; Bộ Tài chính (đối với chi thường xuyên) để tổng hợp, theo dõi và kiểm soát giải ngân, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, theo dõi theo quy định.

b) Các bộ, cơ quan trung ương phân bổ chi tiết cho từng đơn vị sử dụng, chi tiết theo từng chương trình, dự án (tên dự án, nhà tài trợ, theo từng nguồn vốn - chi tiết vốn vay ODA, vốn viện trợ không hoàn lại gắn với khoản vay, vốn vay ưu đãi và vốn viện trợ nước ngoài độc lập, cơ chế tài chính, chi thường xuyên/chi đầu tư phát triển) và đảm bảo khớp đúng tổng mức dự toán và từng lĩnh vực chi, nguồn vốn vay, viện trợ đã được Thủ tướng Chính phủ giao.

c) Các địa phương phân bổ chi tiết cho từng đơn vị sử dụng, chi tiết theo từng chương trình, dự án (tên dự án, nhà tài trợ, theo từng nguồn vốn - chi tiết vốn vay ODA, vốn viện trợ không hoàn lại gắn với khoản vay, vốn vay ưu đãi và vốn viện trợ nước ngoài độc lập, cơ chế tài chính, chi thường xuyên/chi đầu tư phát triển) và đảm bảo khớp đúng tổng mức dự toán chi, nguồn vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao.

7. Vay và trả nợ gốc các khoản vay của NSDP cấp tỉnh:

a) Các địa phương chỉ được phép vay để bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc trong hạn mức Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao. Đối với các địa phương dự toán có vay để trả nợ gốc, sau khi đã bố trí chi trả nợ gốc theo quy định tại điểm c khoản này, địa phương được phép vay trong hạn mức vay đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao (không phân biệt vay trả nợ gốc hay vay bù đắp bội chi); đồng thời, việc phân bổ, giao vốn thực hiện các dự án đầu tư phát triển từ khoản vay này phù hợp với tiến độ và mức vay cho phép.

b) Bố trí từ nguồn bội thu để trả nợ đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ gốc đến hạn.

c) Đối với các địa phương có dự toán vay để trả nợ gốc: Để chủ động nguồn trả nợ gốc đầy đủ, đúng hạn theo cam kết, khi phân bổ vốn chi đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để bố trí chi trả nợ gốc đến hạn và hoàn

nguồn cho chi đầu tư phát triển khi khoản vay được thực hiện theo kế hoạch; chỉ giải ngân thanh toán số vốn đầu tư này sau khi đã thực hiện được khoản vay. Trường hợp không vay được hoặc chỉ vay được một phần theo kế hoạch, chủ động điều chỉnh giảm nguồn vốn đầu tư phát triển trong cân đối NSDP (tăng mức bội thu tương ứng) để trả nợ gốc đầy đủ, đúng hạn.

8. Bố trí dự phòng ngân sách các cấp chính quyền địa phương theo quy định của Luật NSNN, hướng dẫn tại điểm đ khoản 2 Điều 22 Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2025, kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2025-2027 để chủ động sử dụng cho các nội dung chi quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật NSNN.

9. Trong quá trình quyết định phân bổ dự toán thu, chi ngân sách, trường hợp Hội đồng nhân dân quyết định dự toán thu ngân sách cấp mình được hưởng cao hơn mức cấp trên giao, thì dự toán chi bố trí tăng thêm tương ứng (không kể tăng chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết, thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước của các doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý và các khoản được loại trừ khi xác định số tăng thu thực hiện cải cách tiền lương theo nghị quyết của Quốc hội, quyết định của Thủ tướng Chính phủ), sau khi dành 70% số tăng thu thực hiện cải cách tiền lương theo quy định, phần còn lại cần ưu tiên bổ sung dự phòng ngân sách địa phương để chủ động trong quá trình điều hành ngân sách, nguồn còn lại khả năng thực hiện đạt dự toán thu mới phân bổ để giảm bội chi (nếu có), chi đầu tư phát triển và những nhiệm vụ, chế độ, chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định theo chế độ quy định.

10. Đối với cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, việc phân bổ và giao dự toán thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

11. Đối với các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước của Trung ương đang thực hiện theo cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền:

a) Phân bổ và giao dự toán theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 160/2024/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội và điểm đ khoản 2 Điều 3 Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, mức tiền lương và thu nhập tăng thêm hằng tháng (không bao gồm mức tiền thưởng theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP) tính theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng theo cơ chế đặc thù bảo đảm không vượt quá mức tiền lương và thu nhập tăng thêm tháng 6 năm 2024 (không bao gồm phần tiền lương và thu nhập tăng thêm do điều chỉnh hệ số tiền lương ngạch, bậc khi nâng ngạch, nâng bậc).

Trường hợp tính theo nguyên tắc trên, nếu mức tiền lương và thu nhập tăng thêm từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 theo cơ chế đặc thù thấp hơn mức tiền lương theo quy định chung thì thực hiện chế độ tiền lương theo quy định chung.

12. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, việc phân bổ và giao dự toán thu, chi NSNN căn cứ vào nhiệm vụ được giao năm 2025, phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp, dự toán kinh phí NSNN bảo đảm hoạt động thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các yếu tố biến động do thay đổi chính sách, chế độ của Nhà nước làm thay đổi dự toán thu, chi của đơn vị (đối với đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên); dự toán chi tiết theo 02 phần: dự toán chi thường xuyên giao tự chủ, dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được cơ quan có thẩm quyền giao tự chủ tài chính thì phân bổ và giao dự toán chi vào phần dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ. Sau khi phương án tự chủ tài chính được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị điều chỉnh dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ sang dự toán chi thường xuyên giao tự chủ phù hợp với phương án tự chủ tài chính được phê duyệt.

13. Các khoản dự toán chi của NSTW đã được Quốc hội quyết định chưa phân bổ chi tiết: Các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương lập dự toán và thuyết minh chi tiết gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành có liên quan xem xét, tổng hợp trình Chính phủ phân bổ, giao dự toán chi cho từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương đảm bảo kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Định kỳ hằng quý, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Các khoản dự toán chi của NSDP đã được Hội đồng nhân dân quyết định chưa phân bổ chi tiết. Các cơ quan, đơn vị, ngân sách cấp dưới lập dự toán và thuyết minh chi tiết gửi các cơ quan có liên quan ở địa phương xem xét, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phân bổ, giao dự toán chi đảm bảo kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Định kỳ, Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

14. Ngoài các nội dung phân bổ, giao dự toán hướng dẫn tại Thông tư này, các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương còn phải thực hiện đúng quy định liên quan khác của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 4. Tạo nguồn thực hiện chính sách cải cách tiền lương năm 2025

1. Các bộ, cơ quan trung ương tạo nguồn thực hiện chính sách cải cách tiền lương theo quy định tại Nghị quyết 27-NQ/TW, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ, Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật liên quan; trong đó phạm vi, tỷ lệ trích số thu được để lại thực hiện theo quy định tại điểm g, điểm h khoản 3 Điều này; đồng thời khi phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc phải xác định số tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm năm 2025 so với dự toán năm 2024 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dành cho cải cách tiền lương.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khi phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc, ngân sách cấp dưới phải xác định số tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên năm 2025 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) theo quy định để thực hiện cải cách tiền lương năm 2025. Số tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên năm 2025 của các địa phương đảm bảo không thấp hơn mức Thủ tướng Chính phủ giao.

3. Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2025 của các địa phương bao gồm:

a) 70% tăng thu NSDP năm 2024 thực hiện so với dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết; thu cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý và các khoản được loại trừ theo nghị quyết của Quốc hội, quyết định của Thủ tướng Chính phủ).

b) 50% tăng thu NSDP dự toán 2024 so với dự toán năm 2023 được Thủ tướng Chính phủ giao (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết; thu cổ phần hóa và

thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý và các khoản được loại trừ theo nghị quyết của Quốc hội, quyết định của Thủ tướng Chính phủ).

c) 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 được Thủ tướng Chính phủ giao (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết; thu cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý và các khoản được loại trừ theo nghị quyết của Quốc hội, quyết định của Thủ tướng Chính phủ).

d) 50% kinh phí NSDP tiết kiệm được từ nguồn giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực chi quản lý hành chính nhà nước (do nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động; do rà soát, sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế) và từ nguồn giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập (do tiếp tục đổi mới tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị quyết số 160/2024/QH15 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2025.

đ) Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 còn dư chuyển sang.

e) 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2025 đã được cấp có thẩm quyền giao, gồm: 10% dự toán chi thường xuyên năm 2023, 10% dự toán chi thường xuyên năm 2024 tăng thêm so với 2023 và 10% dự toán chi thường xuyên tăng thêm năm 2025 so với 2024.

g) Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2025. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%. Phạm vi trích số thu được quy định cụ thể như sau:

- Đối với các cơ quan hành chính nhà nước (trừ các trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện cơ chế tự chủ tài chính như đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên): Sử dụng tối thiểu 40% số thu phí (thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí) được để lại theo chế độ sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (bao gồm cả chi phí đã sử dụng để thực hiện theo mức tiền lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng) theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí (không được trừ chi phí trực tiếp phục vụ cho công tác thu trong trường hợp đã được NSNN bảo đảm chi phí cho hoạt động thu).

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN bảo đảm chi thường xuyên:

+ Đối với số thu phí (thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí): Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ sau khi trừ các chi

phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (bao gồm cả chi phí đã sử dụng để thực hiện theo mức tiền lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng) theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí (không được trừ chi phí trực tiếp phục vụ cho công tác thu trong trường hợp đã được NSNN bảo đảm chi phí cho hoạt động thu).

+ Đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của các cơ sở y tế công lập: Sử dụng tối thiểu 35% số thu được để lại theo chế độ sau khi trừ các khoản chi phí đã được kết cấu trong giá dịch vụ theo quy định của pháp luật về giá dịch vụ (như: chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao trực tiếp phục vụ cho người bệnh; chi phí điện, nước, nhiên liệu, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường; chi phí duy tu, bảo dưỡng thiết bị, mua thay thế công cụ, dụng cụ,... và chi phí tiền lương, phụ cấp đã kết cấu trong giá).

+ Đối với số thu dịch vụ (bao gồm cả thu học phí), các hoạt động liên doanh liên kết và các khoản thu khác: Sử dụng tối thiểu 40% số chênh lệch thu lớn hơn chi (sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo chế độ quy định).

h) Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các cơ quan được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện cơ chế tự chủ tài chính như đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Đơn vị được quyết định tỷ lệ nguồn thu phải trích lập để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương (bao gồm cả quỹ tiền thưởng) và tự bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện.

4. NSTW hỗ trợ nhu cầu điều chỉnh tiền lương tăng thêm (bao gồm cả quỹ tiền thưởng) cho các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương sau khi đã cân đối nguồn mà chưa đáp ứng đủ nhu cầu theo chế độ quy định.

Điều 5. Thời gian phân bổ, giao dự toán

1. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, các bộ, cơ quan trung ương quyết định phân bổ, giao dự toán ngân sách đến từng đơn vị sử dụng ngân sách; Ủy ban nhân dân các cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu NSNN trên địa bàn, dự toán chi NSDP, quyết định phân bổ dự toán ngân sách cấp mình đảm bảo thời gian phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo kết quả phân bổ, giao dự toán NSDP về Bộ Tài chính chậm nhất là 05 ngày làm việc sau khi Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách; báo cáo nợ của chính quyền địa

phương đến 31 tháng 12 năm 2024, phương án vay, trả nợ năm 2025 của NSDP và báo cáo thu, chi và số dư Quỹ dự trữ tài chính gửi Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 01 năm 2025.

3. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao, đơn vị dự toán cấp I của NSTW và các cấp NSDP thực hiện phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc đảm bảo đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn định mức chi, gửi cơ quan tài chính cùng cấp, đồng thời gửi Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để thực hiện theo đúng quy định tại Điều 49, Điều 50 Luật NSNN, Điều 31 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật NSNN và Điều 13 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I không thống nhất với yêu cầu của cơ quan tài chính thì đơn vị dự toán cấp I báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

4. Việc nhập dự toán vào hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (Tabmis) được thực hiện theo quy định tại các văn bản của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy trình thủ tục nhập dự toán vào hệ thống Tabmis.

Chương II

TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 6. Tổ chức quản lý thu NSNN

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 55 Luật NSNN. Đồng thời, lưu ý một số nội dung sau:

a) Tổ chức thực hiện đúng các quy định pháp luật về thuế.

b) Tập trung chỉ đạo quyết liệt, thực hiện nghiêm Luật Quản lý thuế, chống thất thu, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thương mại; đôn đốc thu hồi nợ thuế, giảm nợ đọng thuế; đôn đốc các doanh nghiệp nhà nước nộp đầy đủ vào NSNN phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định; chỉ đạo người đại diện phần vốn Nhà nước đôn đốc doanh nghiệp nộp kịp thời vào NSNN số thu cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn Nhà nước tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

2. Cơ quan Thuế, Hải quan tiếp tục cải cách thủ tục hành chính về thuế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế; thường xuyên theo dõi,

kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế, việc khai báo tên hàng, mã hàng, thuế suất, trị giá, số lượng,... để phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu, trong đó tập trung vào các lĩnh vực thu từ đất đai, khoáng sản; thu từ các dự án hết thời gian ưu đãi, thu từ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số.

3. Các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương triển khai đầy đủ, kịp thời Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn. Đẩy nhanh tiến độ phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất. Tổ chức rà soát, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô, máy móc, thiết bị bảo đảm theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công. Thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai. Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đấu thầu mua sắm tài sản công.

4. Trong quá trình điều hành ngân sách, trường hợp phát sinh việc nhà đầu tư tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng dự toán đã được cấp có thẩm quyền quyết định chưa bố trí nhiệm vụ chi bồi thường, giải phóng mặt bằng tương ứng, Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 52 Luật NSNN trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán NSDP và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất để làm cơ sở hạch toán thu, chi NSNN theo quy định.

Điều 7. Tổ chức điều hành dự toán chi NSNN

Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương và đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán ngân sách được giao; cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước tổ chức điều hành ngân sách trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền quyết định, kiểm soát chi chặt chẽ, đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định. Trong đó lưu ý:

1. Đối với nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi:
 - a) Đối với vốn cấp phát từ NSTW:

Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 3 Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- b) Đối với vốn Chính phủ vay về cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vay lại:

Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 3 Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối với nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cho Việt Nam:

a) Căn cứ dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương giao chi tiết theo danh mục và mức vốn cụ thể cho từng chương trình, dự án trong tổng mức được giao theo các quyết định tiếp nhận và văn kiện viện trợ đã ký kết hoặc sẽ ký kết năm 2025.

b) Trong tổ chức thực hiện phát sinh nhu cầu chi (vốn đầu tư phát triển, kinh phí thường xuyên) vượt dự toán hoặc phát sinh khoản viện trợ mới chưa được giao dự toán: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 3 Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với cơ quan tài chính chủ động bố trí vốn ngay từ đầu năm cho các dự án, công trình quan trọng theo chế độ quy định, nhất là các dự án xây dựng tu bổ các công trình đê điều, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, chống biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả lũ lụt, dự án di dân ra khỏi vùng sạt lở nguy hiểm đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án, công trình; rà soát, phát hiện các khó khăn vướng mắc, chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án; điều chuyển kế hoạch vốn trong phạm vi tổng số kế hoạch vốn năm 2025 được giao từ các dự án không hiệu quả, chậm giải ngân sang dự án có tiến độ giải ngân tốt, hiệu quả nhưng chưa được bố trí đủ vốn.

5. Căn cứ quyết định giao dự toán NSNN năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan trung ương:

a) Thực hiện phân bổ, giao dự toán, trong đó chi tiết các khoản chi được thực hiện bằng ngoại tệ theo tỷ giá dự toán năm 2025, gửi Bộ Tài chính kiểm tra phân bổ theo quy định. Các Bộ, cơ quan trung ương rút dự toán chi bằng ngoại tệ theo tỷ giá hạch toán tại thời điểm giao dịch, Kho bạc Nhà nước kiểm soát chi đảm bảo trong phạm vi dự toán chi bằng nội tệ đã giao cho đơn vị.

Trong tổ chức thực hiện nhu cầu chi bằng ngoại tệ lớn hơn dự toán đã được Bộ Tài chính kiểm tra phân bổ, các Bộ, cơ quan trung ương lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính trước khi thực hiện.

b) Rà soát nhu cầu kinh phí cần thiết (căn cứ pháp lý, cơ sở tính toán, tính chất nguồn đầu tư/thường xuyên, lấy ý kiến của Bộ Công an và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan) triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định

danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trong năm 2025 theo chức năng, nhiệm vụ được giao để chủ động sắp xếp trong dự toán chi ngân sách năm 2025 thực hiện; đối với các nhiệm vụ thuộc Đề án 06 chưa có nguồn (sau khi đã sắp xếp), các bộ, cơ quan trung ương đề xuất nhu cầu kinh phí còn thiếu gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (trong phạm vi số đã đề xuất tại thời điểm tổng hợp dự toán ngân sách năm 2025) để có căn cứ tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

6. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nếu có nhu cầu chi các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng với mức độ nghiêm trọng, nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ cấp bách khác phát sinh ngoài dự toán mà sau khi sắp xếp lại ngân sách, sử dụng hết dự phòng ngân sách mà vẫn chưa đủ nguồn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh để đáp ứng các nhu cầu chi theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Luật NSNN.

7. Đối với số thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước của các doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý và các nguồn thu khác gắn với nhiệm vụ chi cụ thể, trong điều hành các địa phương cần căn cứ dự toán đã được giao và tiến độ thực hiện thu thực tế, trường hợp dự kiến giảm thu so với dự toán, đồng thời NSDP không thể bù đắp từ các khoản tăng thu khác thì phải chủ động rà soát, cắt giảm hoặc giãn tiến độ thực hiện các công trình, dự án được bố trí từ nguồn thu này.

8. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với cơ quan tài chính thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách ở các đơn vị, ngân sách cấp dưới; quản lý chặt chẽ các khoản chi NSNN theo đúng dự toán được giao, giải ngân vốn trong phạm vi kế hoạch, vay nợ trong hạn mức được giao; chỉ ứng trước dự toán theo quy định của pháp luật.

Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; chỉ ban hành chính sách làm tăng chi NSNN khi thật sự cần thiết và có nguồn bảo đảm. Chủ động sắp xếp chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng tăng thêm trong năm 2025, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và chính sách cải cách tiền lương (bao gồm quỹ tiền thưởng), không để xảy ra tình trạng nợ lương cán bộ, công chức, viên chức, các khoản chi cho con người và chính sách đảm bảo xã hội theo chế độ.

Trường hợp phát hiện các cấp, đơn vị sử dụng ngân sách tổ chức thực hiện thanh toán, chi trả không đúng chính sách, chế độ, nhất là liên quan đến mục tiêu

đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo,... phải có biện pháp xử lý kịp thời để đảm bảo chính sách, chế độ được thực hiện đúng và có hiệu quả.

9. Nguồn cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 của NSTW, NSDP quy định tại Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ chưa sử dụng hết được chuyển sang năm 2025 và thực hiện theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

10. Đối với nhu cầu kinh phí NSNN phát sinh tăng thêm để thực hiện các chế độ, chính sách, chương trình, đề án, nhiệm vụ,... năm 2025:

a) Các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương chủ động sắp xếp trong phạm vi dự toán giao để thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; trường hợp nhu cầu kinh phí phát sinh vượt khả năng cân đối, các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương có văn bản kèm theo hồ sơ thuyết minh, giải trình (nội dung đề xuất, cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, nhu cầu kinh phí,...) gửi các cơ quan có liên quan theo quy định để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Các địa phương chủ động rà soát, chi trả chế độ, chính sách cho đối tượng thụ hưởng theo quy định. Kết thúc năm, căn cứ kết quả thực hiện từng chế độ, chính sách do Trung ương ban hành, các địa phương tổng hợp toàn bộ kinh phí tăng thêm gửi Bộ Tài chính để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (thời gian gửi báo cáo về Bộ Tài chính trước ngày 15/5/2026, báo cáo gửi kèm xác nhận của Kho bạc Nhà nước địa phương). Trong đó, nhu cầu xác định kinh phí NSNN hỗ trợ như sau:

- Đối với những chính sách an sinh xã hội đã được quy định cụ thể tỷ lệ hỗ trợ từ NSTW cho NSDP tại từng văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành: Tổng hợp nhu cầu kinh phí NSNN bảo đảm, nhu cầu kinh phí tăng thêm so với mức đã bố trí trong dự toán chi cân đối NSDP năm 2025, trong đó xác định kinh phí NSTW phải bổ sung cho NSDP đối với phần kinh phí tăng thêm theo tỷ lệ hỗ trợ từ NSTW cho NSDP của từng chính sách.

- Đối với các chính sách an sinh xã hội còn lại: Tổng hợp nhu cầu kinh phí NSNN bảo đảm, nhu cầu kinh phí tăng thêm so với mức đã bố trí trong dự toán chi cân đối NSDP năm 2025, trong đó xác định kinh phí NSTW phải bổ sung cho NSDP đối với phần kinh phí tăng thêm theo tỷ lệ hỗ trợ từ NSTW cho NSDP quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW cho NSDP thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành giai đoạn 2022-2025.

Các địa phương chủ động sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu từ NSTW (nếu có) và cân đối nguồn NSDP để thực hiện các chính sách tiền lương, an sinh xã hội

do Trung ương ban hành, đảm bảo phân bổ đúng chính sách, chế độ, chi trả kịp thời, đúng đối tượng. Kết thúc năm, thực hiện quyết toán kinh phí theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn.

Điều 8. Thực hiện cấp phát, thanh toán kinh phí

1. Đối với các đơn vị sử dụng ngân sách:

Căn cứ dự toán ngân sách năm được giao, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện rút dự toán ngân sách để chi theo chế độ quy định, đúng tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiến độ, khối lượng thực hiện nhiệm vụ; đảm bảo nguyên tắc:

a) Các khoản chi thanh toán cá nhân (lương, phụ cấp lương, trợ cấp xã hội,...) đảm bảo thanh toán chi trả từng tháng cho các đối tượng hưởng lương, trợ cấp từ NSNN.

b) Trích nộp các khoản đóng góp (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) kịp thời, đầy đủ cho cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

c) Những khoản chi có tính chất thời vụ hoặc chỉ phát sinh vào một số thời điểm như chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, sửa chữa và các khoản chi có tính chất không thường xuyên khác: thực hiện thanh toán theo tiến độ, khối lượng thực hiện đối với các khoản chi có hợp đồng và thực hiện thanh toán theo chế độ quy định đối với các khoản chi không có hợp đồng; khoản chi bồi thường thiệt hại cho người bị oan theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đảm bảo việc chi NSNN trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao.

2. Trường hợp NSDP đã được ứng trước dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ NSTW, cần phải thu hồi trong dự toán năm 2025, căn cứ mức vốn ứng phải thu hồi theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán chi đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2025, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về giao dự toán chi đầu tư phát triển NSDP năm 2025, Ủy ban nhân dân các địa phương chỉ đạo các cơ quan đơn vị có liên quan chủ động rà soát từng khoản vốn ứng phải thu hồi, hạch toán hoàn trả các khoản vốn ứng NSTW theo quy định.

3. Trường hợp trong năm, ngân sách cấp trên ứng trước dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư năm sau cho ngân sách cấp dưới, khi rút dự toán và chi từ nguồn ứng trước phải hạch toán thu, chi vào ngân sách năm sau theo quy định.

4. Đối với số bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP:

a) Trường hợp bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách được thực hiện như sau:

- Thời gian phân bổ và giao dự toán được bổ sung thực hiện theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 50 Luật NSNN.

- Vốn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao, Bộ Tài chính có văn bản thông báo bổ sung dự toán cho NSDP. Căn cứ vào văn bản thông báo của Bộ Tài chính, Sở Tài chính thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch;

b) Trường hợp số bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP còn dư mà không được chuyển nguồn hoặc hết nhiệm vụ chi theo quy định của pháp luật, các địa phương kịp thời hoàn trả NSTW theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN. Thời hạn hoàn trả trong phạm vi 30 ngày kể từ khi địa phương xác định kinh phí còn dư hoặc hết nhiệm vụ chi theo quy định của pháp luật hoặc theo thời gian cụ thể ở từng văn bản thông báo của Bộ Tài chính. Trường hợp sau thời hạn trên, địa phương chưa hoàn trả NSTW, Bộ Tài chính giao Kho bạc Nhà nước thực hiện trích tồn quỹ ngân sách cấp tỉnh để thu hồi theo quy định.

5. Đối với số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới ở địa phương:

a) Mức rút số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới: Được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính;

b) Mức rút số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới (bao gồm cả bổ sung có mục tiêu giao trong năm): Được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính;

c) Hạch toán các khoản bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới ở địa phương thực hiện như quy định đối với các khoản bổ sung từ NSTW cho NSDP.

6. Việc rà soát, đối chiếu số liệu rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Định kỳ hàng quý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính tình hình thực hiện kinh phí NSTW bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chính sách theo phụ lục đính kèm Thông tư này.

7. Về chi trả nợ của NSNN được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 81/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Tài chính.

Điều 9. Thực hiện điều chỉnh dự toán đơn vị sử dụng ngân sách

1. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I được cấp có thẩm quyền giao bổ sung dự toán để thực hiện nhiệm vụ phát sinh, chậm nhất 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được quyết định giao bổ sung dự toán), đơn vị dự toán cấp I phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán theo quy định tại Điều 49, Điều 50 Luật NSNN.

2. Việc điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách được thực hiện theo quy định tại Điều 53 Luật NSNN.

3. Trường hợp điều chỉnh dự toán giữa các cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính, tài sản đối với cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

4. Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm 2025, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra và điều chỉnh trên hệ thống Tabmis theo quy định.

5. Việc điều chỉnh dự toán chi đầu tư phát triển được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

6. Việc xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành NSNN được thực hiện theo quy định tại Điều 59, việc xử lý kết dư ngân sách được thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật NSNN.

Điều 10. Thực hiện chuyển nguồn sang năm sau

Các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi chuyển nguồn sang năm sau theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 64 Luật NSNN, Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN, Điều 68 Luật Đầu tư công, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Điều 28 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Nghị quyết của Quốc hội và các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về điều hành dự toán NSNN năm 2025.

Điều 11. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng

Ngoài việc thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên theo quy định tại khoản 8 Điều 7 Thông tư này, các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương tổ chức

chỉ đạo thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành. Xử lý kịp thời, đầy đủ những sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trong quản lý điều hành ngân sách khi để xảy ra thất thoát, lãng phí, sử dụng ngân sách sai chế độ, chính sách.

Điều 12. Thực hiện công khai NSNN

1. Các cấp ngân sách thực hiện công khai NSNN theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện hoặc phân cấp cho Sở Tài chính thực hiện công khai NSDP và ngân sách cấp tỉnh trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và Cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính, tại chuyên mục “Công khai ngân sách” đảm bảo đúng nội dung, hình thức và thời gian công khai theo quy định. Về chế độ báo cáo, Sở Tài chính thực hiện báo cáo điện tử trên hệ thống Cổng Công khai NSNN của Bộ Tài chính (<http://ckns.mof.gov.vn>) đối với các nội dung quy định tại điểm c khoản 3 Điều 19 Thông tư số 343/2016/TT-BTC và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Văn bản số 3785/BTC-NSNN ngày 09 tháng 4 năm 2021.

2. Các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được NSNN hỗ trợ, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính.

3. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ có nguồn từ NSNN và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân thực hiện công khai theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ NSNN và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện công khai theo quy định tại Mục 2 Chương XIV Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; điểm b khoản 1, Điều 2 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư số

144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Đối với các khoản hỗ trợ trực tiếp của nhà nước đối với cá nhân, dân cư việc công khai được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quy chế công khai hỗ trợ trực tiếp của NSNN đối với cá nhân dân cư.

6. Đẩy mạnh việc đăng tải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng những trường hợp trốn thuế, gian lận thuế, không nộp thuế đúng thời hạn theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 02 năm 2025 và áp dụng đối với năm ngân sách 2025.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản mới thì áp dụng tương ứng theo văn bản mới.

Trường hợp tên gọi các cơ quan, đơn vị nêu tại Thông tư này có thay đổi do sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW thì thực hiện theo tên gọi sau khi sắp xếp.

3. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ quy định tại Thông tư này để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc và chính quyền địa phương cấp dưới tổ chức thực hiện. Các quy định trước đây trái với quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để phối hợp giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
Lê Tấn Cận

Phụ lục
BÁO CÁO KẾT QUẢ RÚT DỰ TOÁN BỔ SUNG TỪ NSTW CHO NSDP QUÝ ... NĂM 2025 TỈNH (TP).....
(ĐẾN NGÀY 1 / 2025)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng						
STT	Nội dung	DT giao đầu năm (hoặc số thông báo rút dự toán)	Số đã rút dự toán tại KBNN quý	Số rút lũy kế ... tại KBNN	Số chưa rút dự toán	Tỷ lệ số rút/dự toán được giao
A	B	1	2	3	4=1-2	5=3/1
	TỔNG SỐ: (I+II)					
I	BỔ SUNG CÂN ĐỐI					
II	BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU: (A+B)					
A	Bổ sung có mục tiêu (dự toán giao đầu năm)					
	- Bổ sung có mục tiêu được rút tại KBNN					
	- Bổ sung có mục tiêu thực hiện GTGC vốn ngoài nước					
B	Bổ sung có mục tiêu (bổ sung trong năm): (a+b)					
a	Bổ sung vốn đầu tư					
b	Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước					
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ A					
2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ B					
3	...					

..... ngày ... tháng ... năm...
GIÁM ĐỐC KHO BẠC NHÀ NƯỚC
(Ký tên, đóng dấu)

..... ngày ... tháng ... năm...
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH
(Ký tên, đóng dấu)